

Phụ lục I

**KHU VỰC THUỘC NỘI THÀNH CỦA THÀNH PHỐ, THỊ XÃ, THỊ TRẤN, KHU DÂN CƯ
KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	Khu vực không được phép chăn nuôi	
I	Thành phố Huế	
1	Phường	An Cựu, Phú Hậu, Phú Nhuận, Phú Hội, Phước Vĩnh, Phường Đức, Tây Lộc, Thuận Hòa, Thuận Lộc, Trường An, Vĩnh Ninh, Gia Hội, Đông Ba, Vỹ Dạ, Xuân Phú, An Đông, Hương Sơ, Kim Long, An Hòa, Phú Thượng, Thuận An, Thủy Vân, Thủy Biều.
2	Khu vực khác	- Khu dân cư tập trung, an ninh quốc phòng, trung tâm văn hóa, y tế, công sở, trường học, chợ, cơ sở tín ngưỡng, di tích, đền đài tưởng niệm: Cách 100 mét. - Khu vực khoanh vùng bảo vệ đối với di tích đã được xếp hạng và di tích thuộc danh mục kiểm kê được phê duyệt. - Khu vực dọc sông: Cách 100 mét từ bờ. - Khu vực dọc các tuyến Quốc lộ: Cách 100 mét tính từ lộ giới. - Khu vực dọc các tuyến tỉnh lộ: Cách 50 mét tính từ lộ giới.
II	Thị xã Hương Trà	
1	Phường	- Tứ Hạ: Tổ dân phố 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. - Hương Xuân: Tổ dân phố Liễu Nam, Trung Thôn, Xuân Tháp, Thanh Tiên, Thanh Lương 2,3,4.
2	Khu vực khác	- Khu dân cư tập trung, khu quy hoạch và tái định cư mới, các cụm công nghiệp, trung tâm văn hóa, y tế, công sở, trường học, chợ, cơ sở tín ngưỡng, di tích, đền đài tưởng niệm: Cách 100 mét. - Khu vực dọc sông Bồ: cách 100 mét từ bờ sông. - Khu vực dọc tuyến tỉnh lộ: Cách 50 mét tính từ lộ giới. - Khu vực dọc tuyến Quốc lộ: Cách 100 mét từ lộ giới. - Khu vực dọc tuyến Cao tốc: Cách 150 mét từ lộ giới.
III	Thị xã Hương Thủy	
1	Phường, xã	- Phường Phú Bài: Tổ 2, 3, 4, 5, 7, 9, 10; Tổ 1, 6, 8: cách 500m từ đường Trung Nữ Vương vào hướng tây. - Cách 100 mét từ các Khu dân cư tập trung, khu quy hoạch, trung tâm văn hóa, y tế, công sở, trường học, chợ, cơ sở tín ngưỡng, di tích, đền đài tưởng niệm các phường, xã: Thủy Dương (tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11), Thủy Châu (tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10), Thủy Lương (tổ 1, 3, 6), Thủy Phương (tổ 1, 3, 5, 6, 7, 8, 11), Phú Sơn (thôn 1, 2, 3, 4), Thủy Thanh (thôn Thanh Toàn, Lang Xá Cồn, Vân Thê Đập), Thủy Tân

		(thôn Tân Tô, Chiết Bi), Thủy Phù (thôn 1A, 1B, 3, 5, 8B, 9), Dương Hòa (thôn Khe Sòng, Hộ, Hạ, Bồng Tầm, Thanh Vân).
2	Khu vực khác	<ul style="list-style-type: none"> - Khu quy hoạch sân bay, công nghiệp. - Khu du lịch thôn Hòa Phong, Đồn Sầm, Cầu ngói Thanh Toàn và các điểm di tích. - Khu vực dọc tuyến tỉnh lộ: Cách 50m từ lộ giới. - Khu vực dọc tuyến Quốc lộ: Cách 100m từ lộ giới. - Khu vực dọc 2 bên sông Tả Trạch, suối Đá Dăm, thác Chín Chàng, Hồ chứa nước Tả Trạch : Cách 100m từ bờ.
IV	Huyện Quảng Điền	
1	Thị trấn Sịa	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ dân phố Vĩnh Hòa. - Tổ dân phố Khuôn Phò Nam: Khu dân cư Cồn Kêu. - Tổ dân phố An Gia: Khu quy hoạch dân cư phía bắc Nhà văn hóa huyện.
2	Khu vực khác	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực du lịch cộng đồng Ngư Mỹ Thạnh, khu vực Cồn Tộc xã Quảng Lợi. - Khu dân cư tập trung, trung tâm văn hóa, y tế, công sở, trường học, chợ, cơ sở tín ngưỡng, các di tích, đền đài tưởng niệm, khu lưu niệm đại tướng Nguyễn Chí Thanh, khu lưu niệm nhà thơ Tố Hữu: Cách 100 mét. - Khu vực ven biển, đầm phá: Cánh 100 mét từ bờ.
V	Huyện Phong Điền	
1	Thị trấn Phong Điền	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ dân phố Trạch Thượng 1, Trạch Thượng 2, Tân Lập. - Tổ dân phố Khánh Mỹ: Giới hạn bởi Trục đường Vân Trạch Hòa và trục đường DD6 về phía Đông đến hết ranh giới của tổ.
2	Khu vực khác	<ul style="list-style-type: none"> - Khu dân cư tập trung, khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Cách 100 mét. - Trung tâm văn hóa, y tế, công sở, trường học, chợ, cơ sở tín ngưỡng, di tích, đền đài tưởng niệm, nhà lưu niệm: Cách 100 mét. - Khu vực dọc tuyến tỉnh lộ: Cách 50 mét từ lộ giới. - Khu vực dọc các sông Bồ, sông Ô Lâu: Cách 100 mét từ bờ. - Khu vực dọc tuyến quốc lộ: Cách 100 mét từ lộ giới. - Khu vực ven biển, đầm phá: Cánh 100 mét từ bờ.
VI	Huyện Phú Vang	
1	Xã	<ul style="list-style-type: none"> - Phú Mỹ: Khu đô thị Mỹ Thượng. - Phú An: Xóm 1, 2, 3, 4, 5, 6 thôn Thủy Triều

2	Khu vực khác	<ul style="list-style-type: none"> - Khu dân cư tập trung, khu quy hoạch, trung tâm văn hóa, y tế, công sở, trường học, chợ, cơ sở tín ngưỡng, di tích, đền đài tưởng niệm: Cách 100 mét. - Khu vực dọc tuyến Quốc lộ: Cách 100m từ lộ giới. - Khu vực dọc tuyến tỉnh lộ: Cách 50m từ lộ giới. - Khu vực dọc tuyến các sông: Cách 100m từ bờ. - Khu vực ven biển, đầm phá: Cách 100m từ bờ.
VII Huyện Phú Lộc		
1	Các khu vực	<ul style="list-style-type: none"> - Khu dân cư tập trung, trung tâm văn hóa, y tế, công sở, trường học, chợ, cơ sở tín ngưỡng, di tích, đền đài tưởng niệm, nhà lưu niệm, bến cảng, khu quy hoạch du lịch, khu công nghiệp: Cách 100 mét. - Khu vực dọc tuyến quốc lộ: Cách 100 mét từ lộ giới. - Khu vực dọc tuyến tỉnh lộ: Cách 50 mét từ lộ giới. - Khu vực dọc các Sông Nong, sông Truồi, sông Cầu Hai, sông Nước Ngọt, sông Thừa Lưu, sông Bù Lu: Cách 100 mét từ bờ. - Khu vực ven biển, đầm phá Cầu Hai, đầm Lập an: Cách 100 mét từ bờ.
VIII Huyện Nam Đông		
1	Thị trấn Khe Tre	- Tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 5.
2	Khu vực khác	<ul style="list-style-type: none"> - Khu dân cư tập trung, trung tâm văn hóa, y tế, công sở, trường học, cơ sở tín ngưỡng, di tích, đền đài tưởng niệm, nhà lưu niệm, khu quy hoạch du lịch: Cách 50 mét. - Khu vực dọc tuyến tỉnh lộ: Cách 50 mét từ lộ giới. - Khu vực dọc các sông, suối lớn: Cách 100 mét từ bờ.
IX Huyện A Lưới		
1	Thị trấn A Lưới	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ dân phố 4: Tổ dân cư 1, 3, 5, 6, 7. - Tổ dân phố 5: Tổ dân cư 2, 4, 5, 6. - Tổ dân phố số 6: Tổ dân cư 9, 10, 11, 12.
2	Khu vực khác	- Khu dân cư tập trung, trung tâm văn hóa, y tế, công sở, trường học, chợ, cơ sở tín ngưỡng, di tích, đền đài tưởng niệm, nhà lưu niệm, khu quy hoạch du lịch: Cách 50 mét.

Phụ lục II
ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ DI DỜI HOẶC CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

V/v hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi

Kính gửi:.....

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax..... Email:

Địa chỉ cơ sở chăn nuôi:

Ngày, tháng, năm bắt đầu hoạt động chăn nuôi:.....

Quy mô chăn nuôi:con

Hình thức chăn nuôi (trang trại quy mô lớn, trang trại quy mô nhỏ, trang trại quy mô vừa, nông hộ):.....

Thời điểm hoàn thành việc di dời cơ sở chăn nuôi hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi:.....

Căn cứ chính sách tại Nghị quyết/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ngày ..././20... Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, kính đề nghị xem xét hỗ trợ chi phí di dời chuồng trại chăn nuôi hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi với tổng kinh phí là:.....đồng.

Bằng chữ:.....

Cơ sở xin cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

XÁC NHẬN CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG (Xã, Phường, Thị trấn)

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KÊ KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI

Tên chủ hộ:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:

Số TT	Loại vật nuôi trong quý	Đơn vị tính	Số lượng nuôi trong quý	Mục đích nuôi	Thời gian bắt đầu nuôi	Dự kiến thời gian xuất	Số lượng vật nuôi xuất trong quý (con)	Sản lượng vật nuôi xuất trong quý (kg)	Ghi chú
1									
2									
...									

....., Ngày tháng năm

Họ và tên chủ hộ
(Ký, ghi rõ họ tên)